

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HS-ST.

Ngày: 18/5/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đ. H. L.

2. Bà N. T. D.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H. B. L**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/7/1980, tại: huyện A, tỉnh B; Nơi cư trú: Khu A.N, thị trấn N, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: H. T. T (Chết) và bà: Đ. T. C (Chết); Vợ: T. T. T. T; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09.3.2017, bị TAND huyện A, xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt vào ngày 16.8.2017, đã được xóa án tích. Bị can bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 05/02/2021 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

** Người bị hại:*

Anh N. V. D; Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt tại phiên tòa).*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị H. T. T. L; Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Khu A. T, thị trấn N, huyện A, tỉnh B. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đ. T. K; Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu A. B, thị trấn N, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt tại phiên tòa).*

** Người làm chứng:*

1. Anh N. V. T; Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Chị V. T. T. N; Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện A, tỉnh B. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/02/2021, H. B. L điều khiển xe mô tô mang biển số 71B1-855.57 (xe này của H. T. T. L ở khu A. T, thị trấn N là em ruột của H.B.L, H.T.T.L mua lại của người khác nhưng không có giấy tờ nguồn gốc hợp pháp). Khi đi trên đường T. H. Đ, thị trấn N thì gặp một đối tượng tên là L là bạn mới quen ngoài xã hội nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể. L hỏi H.B.L tối nay có rảnh thì chở L đi công việc, xong L cho 1.000.000^d; H.B.L đồng ý cả hai hẹn gặp lúc 23 giờ đêm tại công viên thị trấn N.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, H.B.L điều khiển xe mô tô nói trên đến công viên thị trấn N thì thấy L đang đứng chờ. Theo chỉ dẫn của L, H.B.L điều khiển xe chở L chạy theo quốc lộ 1A ra hướng Bắc, khi đến ngã ba Chùa thì rẽ trái theo tỉnh lộ 634 đến hướng Tây. Khi đến ngã Ba Làng thì tiếp tục rẽ trái vào hướng Nam, chạy tiếp được vài trăm mét thì đến trước nhà anh N. V. D, sinh năm 1998 ở thôn Đ, xã C, huyện A thì L nói H.B.L dừng xe lại. L xuống xe đi bộ đến hông nhà anh N.V.D, leo qua hàng rào lưới B40 vào bên trong còn H.B.L chạy xe đến một ngôi nhà hoang gần đó đứng chờ. Khi vào trong, L đến chuồng gà nhà anh N.V.D bắt được một số gà rồi dùng dây vải và dây thun đã chuẩn bị trước, cột hai chân gà lại; L đem gà đến hàng rào gọi H.B.L đến và đưa số gà cho H.B.L bỏ vào giỏ xách. Lúc này, bà V. T. T. N (mẹ của anh N.V.D) thức dậy, phát hiện có người bắt trộm gà

nên hô hoán cho người nhà biết. Anh N.V.D dậy bật điện mở cửa thấy L và H.B.L đứng ở hàng rào nên tri hô và chạy bộ đuổi theo L nhưng L chạy thoát được, còn ông N. V. T (cha anh N.V.D) dùng xe mô tô đuổi theo và bắt được H.B.L cùng với số gà gồm 13 con gà trống mái và đưa đến báo cáo Công an để xử lý.

Theo kết luận ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phù Cát thì 13 con gà trống, mái các loại tại thời điểm bị trộm có giá trị 2.767.000^d.

Số gà nói trên đã được xử lý trả lại cho bị hại nên anh N. V. D không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Ngoài ra, cơ quan CSĐT Công an huyện A đã thu giữ một số vật chứng mà L và H.B.L đã sử dụng để thực hiện tội phạm gồm:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ-đen, biển số 71B1-855.57 (không có nguồn gốc hợp pháp).
- 01 (một) điện thoại di động cũ hiệu ITEL màu xanh.
- 01 (một) bì nhựa nilon màu trắng: Bên trong có 10 dây vải màu hồng, 01 cuộn băng keo màu đen; khoảng 0,1kg dây thun.
- 01 (một) giỏ xách màu xanh.

Tất cả được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tạm giữ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS, ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo H. B. L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H. B. L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, để xử phạt bị cáo H. B. L với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật xử lý vật chứng đã thu giữ.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo H. B. L đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

H. B. L là đối tượng đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án tích nhưng vẫn không chịu khó làm ăn lương thiện để sửa chữa sai lầm cho bản thân mà vì háms lợi, khi có cơ hội được đối tượng tên L rủ chđ đi công việc để nhận tiền công 1.000.000^d, H.B.L đã đồng ý. Khi biết L trộm cắp gà đã không ngăn cản mà giúp sức cho L thực hiện trộm được 13 con gà trị giá 2.767.000^d vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 05/02/2021 tại nhà anh N. V. D ở thôn Đ, xã C, huyện A .

Hành vi của H. B. L là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bản thân đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nên cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo H. B. L về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo H. B. L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh tiếp tục cách ly bị cáo

ra khỏi xã hội một thời gian nữa nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo H. B. L phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai báo thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, hậu quả tài sản không lớn và đã được khắc phục người bị hại N. V. D cùng đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cũng nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Trong vụ án còn có đối tượng tên L đã cùng tham gia vụ trộm nhưng đã bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tách ra để điều tra xử lý sau là có căn cứ pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Anh N. V. D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về chiếc xe không có giấy tờ hợp pháp bị thu giữ nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 71B1-855.57 H.B.L đã sử dụng đi trộm cắp không có nguồn gốc hợp pháp nên cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với các vật chứng còn lại đã thu giữ không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Riêng điện thoại IteL của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo H. B. L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo H. B. L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 05/02/2021.

[3]. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[3.1]. Trách nhiệm dân sự: Không.

[3.2]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển số 71B1-855.57 do không có nguồn gốc hợp pháp.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu xanh cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 01 giỏ xách màu xanh, 01 bì nhựa nilon màu trắng, bên trong có 10 dây vải màn màu hồng; 01 cuộn băng keo màu đen; khoảng 0,1kg dây thun.

Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo H. B. L phải chịu 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L